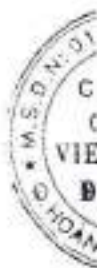


CÔNG TY CỔ PHẦN VIETTRONICS ĐỒNG ĐÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viettronics Đông Đa (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hải Vĩnh	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Cường	Thành viên
Ông Vũ Đức Thế	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/11/2018)
Bà Võ Anh Tú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/11/2018)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Đức Thế	Giám đốc
Ông Phạm Đình Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng ngoài sự kiện đã trình bày tại thuyết minh số 31.2 phần thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm 2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Vũ Đức Thế

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

02
IG 7
PH
RON
IG E
M.T.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12/3/2019, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018. Các khoản công nợ này chủ yếu là tồn đọng từ nhiều năm trước. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị tồn thất tài sản đối với các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trong Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty hay không.

Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (mã số 242) và "Nguồn Kinh phí" (mã số 431) phát sinh từ những năm trước. Chúng tôi không kiểm tra được số dư các khoản mục này, do vậy chúng tôi không đánh giá được giá trị số dư này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Viettronics Medda với số tiền là 1.491.178.546 đồng; và đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ - Điện tử Viettronics (Công ty liên kết) với số tiền là 300 triệu đồng. Chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty con và Công ty liên kết này để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định được có cần điều chỉnh đối với tồn thất tài sản đối với các khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2018 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý với người đọc Báo cáo này, các nội dung của "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" nêu trên chủ yếu liên quan đến số dư và các giao dịch phát sinh từ những năm 2009 trở về trước. Các nghiệp vụ phát sinh trong năm 2018 đã được Công ty ghi nhận và trình bày phù hợp với quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 31.2 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Trong năm 2018, Công ty đang tạm ghi nhận khoản dự phòng phải trả thuế theo Văn bản số 28770/TB-CT ngày 21/01/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và Biên bản họp HĐQT số 01-19/BB-VDD-HĐQT ngày 01/03/2019 với tổng số tiền là: 8.301.795.900 đồng. Công ty đang trong thời gian làm việc với cơ quan thuế để đối chiếu và xác định lại nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, do đó, số liệu này sẽ được điều chỉnh chính thức sau khi có Quyết định từ Cơ Quan thuế.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 3660-2018-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.929.047.918	51.093.996.151
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	433.193.011	483.796.692
Tiền	111		433.193.011	483.796.692
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	33.172.187.068	34.055.709.609
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		33.172.187.068	34.055.709.609
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.182.539.452	14.413.361.463
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.107.137.513	9.216.057.513
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	988.712.033	988.712.033
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.898.354.319	5.020.256.330
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó	137	9	(811.664.413)	(811.664.413)
Hàng tồn kho	140	10	2.133.998.423	2.133.998.423
Hàng tồn kho	141		4.084.396.645	4.084.396.645
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.950.398.222)	(1.950.398.222)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.129.964	7.129.964
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	7.129.964	7.129.964
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.645.342.610	24.652.005.994
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	5.149.318.550	5.149.318.550
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		1.491.178.546	1.491.178.546
Phải thu nội bộ dài hạn	214		3.658.140.004	3.658.140.004
Tài sản cố định	220		236.430.563	254.253.347
Tài sản cố định hữu hình	221	11	236.430.563	254.253.347
- Nguyên giá	222		1.410.695.903	1.410.695.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.174.265.340)	(1.156.442.556)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		260.487.598	260.487.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(260.487.598)	(260.487.598)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	16.303.046.239	16.303.046.239
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.303.046.239	16.303.046.239
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.945.387.858	2.945.387.858
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		300.000.000	300.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.645.387.858	2.645.387.858
Tài sản dài hạn khác	260		11.159.400	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		11.159.400	-
TỔNG TÀI SẢN	270		74.574.390.528	75.746.002.145

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		20.317.563.662	13.701.759.954
Nợ ngắn hạn	310		20.239.975.662	13.624.171.954
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.847.271.973	1.847.271.973
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.400.000	2.400.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	96.180.222	1.916.219.181
Phải trả người lao động	314		125.297.800	124.666.382
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.696.402	1.696.402
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	304.920.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	8.773.527.012	8.745.531.663
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.301.795.900	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		786.886.353	986.386.353
Nợ dài hạn	330		77.588.000	77.588.000
Phải trả dài hạn khác	337	18	77.588.000	77.588.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	54.256.826.866	62.044.242.191
Vốn chủ sở hữu	410		39.453.939.866	47.241.355.191
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(312.000.000)	(312.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.395.416.378	1.395.416.378
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.370.523.488	24.157.938.813
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		23.059.238.813	23.977.078.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.688.715.325)	180.860.088
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		14.802.887.000	14.802.887.000
Nguồn kinh phí	431		14.802.887.000	14.802.887.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		74.574.390.528	75.746.002.145

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Giám đốc

Nguyễn Quỳnh Hoa

Nguyễn Văn Chính

Vũ Đức Thế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	623.236.364	1.694.659.199
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		623.236.364	1.694.659.199
Giá vốn hàng bán	11	23	-	1.908.796.098
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		623.236.364	(214.136.899)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.310.982.434	3.415.205.076
Chi phí tài chính	22		-	4.592.914
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.194.796.467	3.212.493.763
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.739.422.331	(16.018.500)
Thu nhập khác	31		-	214.282.692
Chi phí khác	32	26	8.360.093.713	17.404.104
Lợi nhuận khác	40		(8.360.093.713)	196.878.588
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.620.671.382)	180.860.088
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	68.043.943	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.688.715.325)	180.860.088
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(3.044)	82
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	(3.044)	82

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Quỳnh Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính



Vũ Đức Thế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

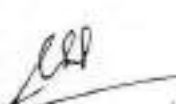
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.099.400.000	1.866.595.728
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(622.817.481)	(929.930.138)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(785.790.143)	(778.832.184)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		46.050.450	33.141.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(3.215.244.998)	(615.445.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.478.402.172)	(424.471.196)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.920.319.459)	(35.055.709.609)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.803.842.000	33.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.443.155.950	3.361.604.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.326.678.491	1.305.895.002
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		200.000.000	50.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(200.000.000)	(50.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(898.880.000)	(816.088.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(898.880.000)	(816.088.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(50.603.681)	65.335.806
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	483.796.692	415.453.335
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	3.007.551
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	433.193.011	483.796.692

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Hoa

Nguyễn Văn Chính

Vũ Đức Thế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo quyết định số 3861/QĐ-BCN ngày 21/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án chuyển Công ty Điện tử Đồng Đa thành Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100102485 ngày 13/07/2006, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 12/11/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2018 là 22.000.000.000 đồng chia thành 2.200.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam góp 11.236.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51,07%, các cổ đông khác góp 10.764.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 48,93%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 8 người (tại ngày 31/12/2017 là 8 người).

1.2. LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất mua bán và đại lý: Máy móc và thiết bị điện; tự động hóa; radio; ti vi và thiết bị truyền thông; đồ điện gia dụng; thiết bị văn phòng và máy tính (bao gồm cả phần mềm); dụng cụ và trang thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh – truyền hình; Đường dây và trạm biến áp điện;
- Kinh doanh; Bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá đất); dịch vụ khách sạn nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Dịch vụ: Viễn thông; Quảng cáo; Đào tạo công nhân kỹ thuật (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Sản xuất; mua bán và đại lý: thiết bị điện cơ khí kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường;
- Dịch vụ; Cung cấp các chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực điện, điện tử, điện lạnh (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn và giám sát thi công công trình, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110KV;
- Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; và
- Thiết kế kiến trúc công trình.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường được thực hiện không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3.3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính về hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào công ty con trên khoản mục "Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc. Ban Giám Đốc đánh giá việc ghi nhận như vậy không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	40
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	9

3.8 TÀI SẢN VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Hệ thống ISO được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính với thời gian phân bổ từ 2 đến 20 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa văn phòng Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám Đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	61.631.973	159.586.228
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	371.561.038	324.210.464
	433.193.011	483.796.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	988.712.033	988.712.033
Công ty Cổ phần BK Hà Nội	282.212.592	282.212.592
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Xây dựng H2K	286.457.410	286.457.410
Công ty TNHH Thương Mại và Phát triển Khoa Học Kỹ Thuật	120.077.862	120.077.862
Các khoản phải thu đối tượng khác	299.964.169	299.964.169

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	5.149.318.550	5.149.318.550
- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	1.491.178.546	1.491.178.546
- Phải thu nội bộ dài hạn	3.658.140.004	3.658.140.004
	<u>5.149.318.550</u>	<u>5.149.318.550</u>

CÔNG TY CP VIETTRONICS ĐÓNG DẠ

Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9.107.137.513	(179.314.088)	9.216.057.513	(179.314.088)
- Công ty điện tử công nghiệp	4.424.090.688	-	4.424.090.688	-
- Công ty Power Machines - Russia	2.190.496.965	-	2.190.496.965	-
- Các khoản phải thu đối tượng khác	2.492.549.860	(179.314.088)	2.601.469.860	(179.314.088)
	9.107.137.513	(179.314.088)	9.216.057.513	(179.314.088)

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

- Công ty TNHH MTV Viettronics Medda
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp

1.611.120.255	-	1.611.120.255	-
746.486.755	-	746.486.755	-
864.633.500	-	864.633.500	-

CÔNG TY CP VIETTRONICS ĐÓNG ĐÁ

Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.898.354.319	(632.350.325)	5.020.256.330	(632.350.325)
- Tạm ứng	1.659.886.492	(493.630.926)	1.638.451.392	(493.630.926)
- Lãi dự thu	2.428.493.151	-	2.560.666.667	-
- Các đối tượng khác	805.646.050	(138.719.399)	821.138.271	(138.719.399)
- Bảo hiểm y tế	4.328.626	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
	4.898.354.319	(632.350.325)	5.020.256.330	(632.350.325)
Phải thu khác là các bên liên quan	194.112.430	-	194.112.430	-
- Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	11.609.537	-	11.609.537	-
- Công ty CP Cơ - Điện tử Viettronics	158.890.346	-	158.890.346	-
- Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam	23.612.547	-	23.612.547	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	179.314.088	(179.314.088)		179.314.088
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Thịnh	129.348.000	(129.348.000)	-	(129.348.000)
Hoàng Văn Hiếu	2.900.000	(2.900.000)	-	(2.900.000)
Công ty TNHH Đại Hùng	21.392.905	(21.392.905)	-	(21.392.905)
Công ty TNHH nhân lực Việt	15.000.000	(15.000.000)	-	(15.000.000)
Công ty TNHH Đại Lạc	9.023.183	(9.023.183)	-	(9.023.183)
Cửa hàng Huy Thắng - Hiệp Tinh	1.650.000	(1.650.000)	-	(1.650.000)
Phải thu ngắn hạn khác	655.489.878	(632.350.325)	23.139.553	23.139.553
Tạm ứng	493.630.926	(493.630.926)	-	(493.630.926)
Nguyễn Thị Tâm	459.630.926	(459.630.926)	-	(459.630.926)
Hoàng Anh Tuấn	34.000.000	(34.000.000)	-	(34.000.000)
Lê Tuấn Anh - Trung Tâm Công nghệ	90.991.745	(67.852.192)	23.139.553	(67.852.192)
Bảo hiểm xã hội	56.061.907	(56.061.907)	-	(56.061.907)
Nguyễn Bá Giáp	7.622.300	(7.622.300)	-	(7.622.300)
Ngô Kim Quang- TTBH	6.800.000	(6.800.000)	-	(6.800.000)
Đỗ Xuân Phan	383.000	(383.000)	-	(383.000)
	834.803.966	(811.664.413)	23.139.553	834.803.966
				23.139.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Hàng hóa	2.133.998.423	-	2.133.998.423	-
	1.950.398.222	(1.950.398.222)	1.950.398.222	(1.950.398.222)
	4.084.396.645	(1.950.398.222)	4.084.396.645	(1.950.398.222)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	1.139.148.500	271.547.403	1.410.695.903
31/12/2018	1.139.148.500	271.547.403	1.410.695.903
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2018	884.895.153	271.547.403	1.156.442.556
- Khấu hao trong năm	17.822.784	-	17.822.784
31/12/2018	902.717.937	271.547.403	1.174.265.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	254.253.347	-	254.253.347
31/12/2018	236.430.563	-	236.430.563

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2018	260.487.598	260.487.598
31/12/2018	260.487.598	260.487.598
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2018	260.487.598	260.487.598
31/12/2018	260.487.598	260.487.598
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2018	-	-
31/12/2018	-	-

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16.303.046.239	16.303.046.239
- Dự án điện tìm	15.082.768.554	15.082.768.554
- Dự án xây dựng văn phòng 21 Đông Các	1.220.277.685	1.220.277.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Tiền gửi có kỳ hạn (*)	33.172.187.068	33.172.187.068	34.055.709.609	34.055.709.609
	33.172.187.068	33.172.187.068	34.055.709.609	34.055.709.609
	33.172.187.068	33.172.187.068	34.055.709.609	34.055.709.609

(*) Bao gồm các hợp đồng sau:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng bao gồm:
 - Hợp đồng số 01.151018/2018/VPB-VTN, số tiền gửi là 300.000.000 đồng ký ngày 15/10/2018; lãi suất 4,9%/năm với kỳ hạn 3 tháng;
 - Hợp đồng số 01.211118/HDTG/VPB-VTN, số tiền gửi là 300.000.000 đồng ký ngày 23/11/2018; lãi suất 6,4%/năm với kỳ hạn 6 tháng;
 - Hợp đồng tiền gửi số 1582.17.069.259834.TG-DN số tiền 551.867.609 đồng ký ngày 01/11/2017; tái tục vào ngày 02/07/2018 có thời hạn đến 02/03/2019; lãi nhập gốc số tiền 20.319.459 đồng; lãi suất 5,5%/năm.
- Hợp đồng số VPBFC/TGCKH-1940/2018, số tiền gửi là 24.000.000.000 đồng và hợp đồng số VPBFC/TGCKH-1941/2018, số tiền gửi là 8.000.000.000 đồng; ký ngày 30/03/2018; lãi suất 10%/năm với kỳ hạn 15 tháng.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác - Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics (i) - Đầu tư vào đơn vị khác Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (ii) Công ty Cổ phần Công trình Viettronics (iii)	2.945.387.858	2.945.387.858	2.945.387.858	2.945.387.858
	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
	2.645.387.858	2.645.387.858	2.645.387.858	2.645.387.858
	294.020.000	294.020.000	294.020.000	294.020.000
	2.351.367.858	2.351.367.858	2.351.367.858	2.351.367.858
	2.945.387.858	2.945.387.858	2.945.387.858	2.945.387.858

CÔNG TY CP VIETTRONICS ĐỒNG ĐA

Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- i. Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics thành lập và hoạt động tại thành phố Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm điện tử dân dụng, điện tử chuyên dụng và các sản phẩm tự động hóa; Các sản phẩm về thiết bị y tế; Các sản phẩm cơ khí chế tạo; Các sản phẩm làm theo đơn đặt hàng. Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty là 30%.
- ii. Khoản đầu tư nắm giữ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại 31/12/2018 là 41.279 cổ phần.
- iii. Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Viettronics Công trình với số lượng cổ phần là 235.137 cổ phần.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.847.271.973	1.847.271.973	1.847.271.973	1.847.271.973
Công ty TNHH thiết bị PCCC Hà Nội	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	579.311.789	579.311.789	579.311.789	579.311.789
Công ty TNHH hỗ trợ đầu tư hợp tác kinh tế và chuyển giao Công nghệ	394.600.000	394.600.000	394.600.000	394.600.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Máy tính Thế Trung	244.479.162	244.479.162	244.479.162	244.479.162
Công ty TNHH Xây lắp & Kinh doanh Thiết bị điện	213.525.000	213.525.000	213.525.000	213.525.000
Các đối tượng khác	415.356.022	415.356.022	415.356.022	415.356.022
Phải trả người bán là các bên liên quan	579.311.789	579.311.789	579.311.789	579.311.789
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	579.311.789	579.311.789	579.311.789	579.311.789

CÔNG TY CP VIETTRONICS ĐÓNG DÀ

Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Các loại thuế khác

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
105.486.720	25.605.434	105.486.720	25.605.434	
-	68.043.943	-	68.043.943	
13.946.304	10.906.716	22.322.175	2.530.845	
1.796.786.157	601.439.549	2.398.225.706	-	
-	3.000.000	3.000.000	-	
1.916.219.181	708.995.642	2.529.034.601	96.180.222	

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Các loại thuế khác

6.769.278	-	-	6.769.278
360.686	-	-	360.686
7.129.964	-	-	7.129.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	8.773.527.012	8.745.531.663
Kinh phí công đoàn	17.984.200	3.799.100
Bảo hiểm xã hội	-	149.775.751
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.755.542.812	8.591.956.812
+ Hỗ trợ người lao động, di dời	2.830.436.600	2.850.170.600
+ Phải trả cho Công trình Dự án điện tim	1.765.734.978	1.765.734.978
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.508.127.600	1.508.127.600
+ Cổ tức phải trả	1.668.276.287	1.468.456.287
+ Các đối tượng khác	982.967.347	959.467.347
Dài hạn	77.588.000	77.588.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	77.588.000	77.588.000
	8.851.115.012	8.823.119.663
Phải trả bên liên quan	1.508.127.600	1.508.127.600
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	1.508.127.600	1.508.127.600

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	304.920.000	-
Doanh thu ghi nhận trước tiền thuê Cửa hàng tầng 1 số 2 Triệu Quốc Đạt	304.920.000	-
Dài hạn	-	-
	304.920.000	-

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	8.301.795.900	-
- Dự phòng phải trả các khoản thuế phải nộp (*)	8.301.795.900	-
b) Dài hạn	-	-
	8.301.795.900	-

(*) Đây là các khoản dự phòng phải nộp Ngân sách nhà nước theo Văn bản số 28770/TB-CT ngày 21/01/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và Biên bản họp HĐQT số 01-19/BB-VDD-HĐQT ngày 01/03/2019. Công ty đang trong thời gian làm việc với cơ quan thuế để đối chiếu và xác định nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước từ những năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Nguồn kinh phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	22.000.000.000	(312.000.000)		1.395.416.378	14.802.887.000	25.734.998.725	63.621.302.103		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	180.860.088	180.860.088		
- Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.757.920.000)	(1.757.920.000)		
31/12/2017	22.000.000.000	(312.000.000)		1.395.416.378	14.802.887.000	24.157.938.813	62.044.242.191		
01/01/2018	22.000.000.000	(312.000.000)		1.395.416.378	14.802.887.000	24.157.938.813	62.044.242.191		
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(6.688.715.325)	(6.688.715.325)		
- Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(1.098.700.000)	(1.098.700.000)		
31/12/2018	22.000.000.000	(312.000.000)		1.395.416.378	14.802.887.000	16.370.523.488	54.256.826.866		

(*) Công ty trích cổ tức phải trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 với tỷ lệ 500 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 08 năm 2010. Vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Tên công ty	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp	
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	1.123.600	51,07%	11.236.000.000	51,07%
Các cổ đông khác	1.076.400	48,93%	10.764.000.000	48,93%
	2.200.000	100%	22.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu		
- Doanh thu hoạt động xây dựng	-	808.039.179
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	623.236.364	886.620.020
	<u>623.236.364</u>	<u>1.694.659.199</u>

23. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	1.830.168.838
Giá vốn hàng hóa (dự phòng)	-	35.427.260
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	43.200.000
	<u>-</u>	<u>1.908.796.098</u>

24. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.310.982.434	3.407.604.611
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	7.600.465
	<u>3.310.982.434</u>	<u>3.415.205.076</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	1.205.241.084	1.113.505.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.822.784	17.822.784
Thuế, phí và lệ phí	601.453.854	1.655.793.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.244.908	257.934.918
Chi phí quản lý khác	148.033.837	167.436.713
	<u>2.194.796.467</u>	<u>3.212.493.763</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chênh lệch sổ sách so với BB quyết toán dự án CT1	-	4.536.701
Phạt hành chính về nộp HS kê khai đất 21 Đông Các	-	8.150.972
Dự phòng phải trả các khoản thuế phải nộp (*)	8.301.795.900	-
Chi nộp phạt chậm nộp thuế đất	58.297.813	4.716.431
	8.360.093.713	17.404.104

(*) Đây là các khoản dự phòng phải nộp Ngân sách nhà nước theo Văn bản số 28770/TB-CT ngày 21/01/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và Biên bản họp HĐQT số 01-19/BB-VDD-HĐQT ngày 01/03/2019.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.620.671.382)	180.860.088
Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.360.093.713	-
- Chi phí không hợp lý	8.360.093.713	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	1.739.422.331	180.860.088
Chuyển lỗ các năm trước	(1.399.202.614)	(180.860.088)
Thu nhập chịu thuế sau chuyển lỗ	340.219.717	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	68.043.943	-

28. KẾ HOẠCH VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ còn được chuyển năm trước	Số lỗ đã chuyển		Số lỗ còn được chuyển
			Năm	Số tiền	
2015	2016 - 2020	1.580.062.702	2017	180.860.088	1.399.202.614
2015	2016 - 2020	1.399.202.614	2018	1.399.202.614	-
Tổng cộng					-

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế	(6.688.715.325)	180.860.088
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.197.400	2.197.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(3.044)	82

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. THÔNG TIN KHÁC

3.1 Bên liên quan

Thu nhập của ban Giám đốc

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của ban Giám đốc	319.436.000	332.009.288
Tiền lương, thưởng	319.436.000	332.009.288

Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã phân phối từ lợi nhuận trong năm	1.098.700.000	1.757.920.000
Tổng Công ty CP Điện tử và Tin học Việt Nam	561.800.000	898.880.000
Cổ đông khác	536.900.000	859.040.000

31.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Trong năm 2018, Công ty đang tạm ghi nhận khoản dự phòng phải trả thuế theo Văn bản số 28770/TB-CT ngày 21/01/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội và Biên bản họp HĐQT số 01-19/BB-VDD-HĐQT ngày 01/03/2019 với tổng số tiền là: 8.301.795.900 đồng. Công ty đang trong thời gian làm việc với cơ quan thuế để đối chiếu và xác định lại nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, do đó, số liệu này sẽ được điều chỉnh chính thức sau khi có Quyết định từ Cơ quan thuế.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Quỳnh Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính



Giám đốc



Vũ Đức Thế